

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 50/2025/DS-ST

Ngày: 05-5-2025

V/v tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Hoa Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

Bà Trang Thị Cẩm Nhuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên tòa:
Ông Sn Nhựt Nhân, Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2025/TLST-DS, ngày 10 tháng 02 năm 2025, về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Thạch S, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Giồng Tr, xã Tập Ng, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông Thạch Ri N, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Cần T, xã Tân H, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Tạm trú: Ấp Trinh Ph, xã LTh, huyện TC, tỉnh Trà Vinh

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Thạch Xâm B, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Cần T, xã Tân H, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/12/2024 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Thạch S trình bày có nội dung:

Vào ngày 18/9/2024, ông Thạch S có cho ông Thạch Ri N mượn tiền là 250.000.000 đồng, qua sự giới thiệu từ ông Thạch Xâm B, mục đích ông Ri N mượn tiền của ông S là để đáo hạn ngân hàng, việc mượn tiền ông S có làm biên nhận do ông S giữ, thời hạn trả tiền mượn là khi ông Ri N đáo hạn ngân hàng xong sẽ trả tiền cho ông S. Nhưng sau khi ông Ri N mượn tiền của ông S không đến đáo hạn ngân hàng mà sử dụng vào mục đích khác, ông S có yêu cầu ông Ri N trả lại số tiền đã mượn của ông nhưng ông Ri N hứa đến ngày 05/10/2024 sẽ trả tiền cho ông S, sau đó ông S có gọi điện thoại cho ông Ri N nhưng ông Ri N không bắt máy và cố tình tránh mặt ông S, đến nay ông Ri N vẫn chưa trả số tiền đã mượn cho ông S.

Nay ông Thạch S yêu cầu ông Thạch Ri N trả cho ông S số tiền mượn bằng 250.000.000 đồng. Ông S không yêu cầu ông Ri N trả lãi.

Ông Thạch S có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Tại bản tự khai ngày 15/4/2025 bị đơn ông Thạch Ri N trình bày có nội dung:

Ông Thạch Ri N thừa nhận có mượn tiền của ông Thạch S là 250.000.000 đồng, khi mượn không thỏa thuận thời hạn trả, ông S có làm biên nhận do ông S giữ, ông Ri N ký tên bên người nhận tiền, có ông Thạch Xâm B ký tên kẻ bên là người chứng kiến việc ông Ri N mượn tiền của ông S. Do làm ăn thua lỗ, điều kiện kinh tế gặp khó khăn cho đến nay ông Ri N vẫn chưa trả được số tiền mà ông Ri N đã mượn của ông S.

Nay ông Ri N thừa nhận nợ và đồng ý trả cho ông S số tiền đã mượn là 250.000.000 đồng.

Ông Thạch Ri N có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Tại bản tự khai ngày 17/4/2025 và quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Thạch Xâm B trình bày có nội dung:

Ông Thạch S có cho ông Ri N mượn tiền bằng 250.000.000 đồng, việc mượn tiền về mục đích, thời hạn, lãi suất trả do ông S và ông Ri N tự thỏa thuận với nhau, ông Xâm B chỉ là người chứng kiến, ông Xâm B không có nhận huê hồng gì trong việc mượn tiền này. Nay ông S yêu cầu ông Ri N trả số tiền bằng 250.000.000 đồng, ông Xâm B không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này, ông S và ông Ri N tự giải quyết với nhau.

Ông Thạch Xâm B có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu chứng cứ gồm: 01 biên nhận nợ (bản chính, số tiền vốn bằng 250.000.000 đồng); CCCD (photo); Bị đơn không có cung cấp tài liệu chứng cứ.

Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất:

Ông Thạch Ri N thừa nhận có mượn tiền của ông Thạch S số tiền là 250.000.000 đồng, ông Ri N đồng ý trả số tiền mượn này cho ông Thạch S, ông Ri N không phải trả lãi do ông S không có yêu cầu.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền bằng 250.000.000 đồng. Ông Ri N không phải trả lãi do ông S không có yêu cầu.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Thạch Ri N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông Thạch S, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Bị đơn ông Thạch Ri N cư trú tại huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

[2] Nguyên đơn ông Thạch S, bị đơn ông Thạch Ri N, người liên quan ông Thạch Xâm B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn số tiền mượn là 250.000.000 đồng khi mượn tiền thì bị đơn có viết biên nhận ký tên nhận cho nguyên đơn giữ, khi thực hiện hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các bên thực hiện hợp

đồng hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định tại các Điều 117, Điều 119, Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó hợp đồng có hiệu lực đối với các bên.

[4] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền là 250.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, nguyên đơn đã chứng minh cho yêu cầu của mình bằng biên nhận mượn tiền do bị đơn viết và ký tên, có người chứng kiến, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đều thừa nhận còn nợ nguyên đơn và đồng ý trả số tiền là 250.000.000 đồng. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn và bị đơn.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 117, 119, 166, 429, 463, 466, 469 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Thạch Ri N có nghĩa vụ trả cho ông Thạch S số tiền là 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*). Ông Thạch S không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Thạch Ri N phải chịu 12.500.000 đồng.

Ông Thạch S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Thạch S số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 6.250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006581, ngày 10/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Thị Hoa Lan

